TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 352/2023/HS-PT
Ngày: 07-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Dương Tuấn Vinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 889/2022/TLPT-HS ngày 17/11/2022. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức H**,** sinh năm 1981 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu V, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố E, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1945 và bà Trần Thị C, sinh năm 1954; vợ: Trần Thị Bích P, sinh năm 1988; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 30/4/2022, được áp dụng biện pháp bảo lĩnh từ ngày 30/4/2022 đến ngày 08/9/2022, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2022 đến nay; có mặt.

2. Trần Văn Đ, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 01/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1945; vợ: Bùi Thị T2, sinh năm 1976 (đã ly hôn ngày 08/7/2022); con: có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị cáo liên quan kháng cáo: Hoàng Bá M, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP (gọi là Tổ dân phố) L, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Bá H1 (đã chết) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1959; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 19/5/2022. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam K; vắng mặt.

Bị hại: Công ty L2 (Trung Quốc);

Người đại diện theo pháp luật: LU JIAN HUA

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiện P1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Bá M và Nguyễn Đức H là công nhân làm việc cho Công ty L3 (Trung Quốc) đang thi công công trình điện gió huyện B, tỉnh Bến Tre. Khoảng 20 giờ ngày 16/10/2021, do thấy việc quản lý tài sản công trình thiếu chặt chẽ nên M nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền, sau đó M nhiều lần rủ H cùng đi lấy trộm dây cáp điện của công trình bán lấy tiền thì H đồng ý. Do H có số điện thoại của Trần Văn Đ, là người lái ghe bán thức ăn, nước uống cho nhóm công nhân thi công công trình điện gió và có mua đồ ve chai nên M kêu H cho số điện thoại của Đ, M điện thoại kêu Đ lái ghe ra tàu thi công để M bán đồ ve chai, Đ đồng ý. Khi Đ đến tàu thì M và H hướng dẫn Đ lái ghe đến trụ điện gió số WT204 của Công ty L3 thuộc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, M và H trèo lên trụ điện gió lấy nhiều đoạn dây cáp gồm nhiều đoạn ngắn, dài khác nhau chuyển xuống ghe cho Đ. Lúc này, M và H không nói cho Đ biết đang trộm dây cáp điện, Đ nghĩ M có quyền quản lý nên lấy bán, sau khi lấy xong cả 03 người cùng về nhà của Đ ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại nhà của Đ, sau khi chuyển số dây cáp điện trộm được vào nhà thì M thỏa thuận bán cho Đ với số tiền 60.000.000 đồng, lúc này thì Đ biết rõ số dây cáp điện lấy được là do M và H trộm cắp có được nhưng vẫn đồng ý mua. Đ sợ lỗ nên kêu vợ là bà Bùi Thị T2 ra xem và giúp tính giá mua, lúc này không ai nói và bà T2 cũng không biết số dây cáp điện là do trộm cắp vì bà T2 nghĩ Đ mua nên biết rõ nguồn gốc, bà T2 nói giá cao, mua bán lại không có lời kêu M giảm bớt số tiền. Sau khi thỏa thuận, M và Đ thống nhất mua bán với số tiền 40.000.000 đồng, Đ kêu bà T2 lấy tiền trả trước cho M số tiền 10.000.000 đồng, M lấy số tiền 7.000.000 đồng, chia cho H số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng còn lại 02 bên thỏa thuận chuyển qua tài khoản cho M và H mỗi người 15.000.000 đồng. Ngày 18/10/2021, theo yêu cầu của H, bà T2 nhờ con gái là Bùi Thị Hoài T3 chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản vợ của H là Trần Thị Bích P mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh tỉnh B, đến ngày 22/10/2021, bà T2 tiếp tục nhờ T3 chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của M mở tại Ngân hàng Q.

Sau khi mua số dây cáp trên, Đ và bà T2 dùng dao cắt bỏ phần vỏ, phân loại từng đoạn ngắn, dài để riêng, sau đó bà T2 bán số đoạn dây ngắn trước nhưng không nhớ được số lượng cụ thể. Đến ngày 15/11/2021, bà T2 bán tiếp số đoạn dây cáp còn lại cho bà Mai Thị Đ1 và nhận số tiền 37.400.000 đồng, bà Đ1 kêu ông Hồ Kim C1 sử dụng xe mô tô ba bánh biển số 71B3 - 823.96 vận chuyển số đoạn dây cáp đã mua về nhà, trên đường vận chuyển thì bị Công an xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre kiểm tra, phát hiện và tạm giữ toàn bộ tang vật.

* Vật chứng thu giữ:

- 18 đoạn dây cáp ngầm chủng loại cáp đồng mạ kẽm FDEH-X 1 x 300mm2/1.8/3kV, đã bị cắt bỏ phần vỏ, tổng chiều dài là 148,98 mét, tổng trọng lượng là 378,9 kg.

- 147 đoạn cao su màu đen là vỏ bọc của dây cáp ngầm, có ghi chữ "Jiangsu Henglong Power Cable C2., L1 FDEH-X 1.8/3kV 1x300 CE 2021.02.17" với tổng chiều dài là 147,28 mét.

- 42 đoạn cao su màu đen là vỏ bọc của dây cáp ngầm, có ghi chữ "FDEH-X 26/35Kv-1 x 70 TICW, với tổng chiều dài 46,33 mét.

- 57 đoạn cao su màu đen không nhãn hiệu, là vỏ bọc bên trong của dây cáp ngầm đã được rọc bỏ thành nhiều đoạn nhỏ với tổng chiều dài 59,535 mét.

- 01 con dao cán làm bằng gỗ, chiều dài cán dao là 11 cm, lưỡi bằng kim loại có chiều dài là 17,5cm.

- 01 con dao loại dao cắt giấy, cán làm bằng nhựa màu xanh dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 04 cm, lưỡi dao di chuyển được từ dưới lên trên và ngược lại.

- Tạm giữ của Trần Văn Đ: 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát, trọng tải 03 tấn, màu sơn xanh, nơi rộng nhất 2,1 mét, nơi cao nhất 1,28 mét, chiều dài 10,3 mét.

- Tạm giữ của Hoàng Bá M:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, số IMEI1: 866983052823515, số IMEI2: 866983052823507, đã qua sử dụng;

+ Số tiền 5.000.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Đức H: + 01 (một) điện thoại di động màu xanh - đen, hiệu S, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357186100588652/01, số IMEI 2: 357187100588650/01, có gắn 01 sim số seri 8984048000316008558;

+ Số tiền 44.835.500 đồng.

- Tạm giữ của Bùi Thị T2:

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh - đen, hiệu S, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 351864452900719/01, số IMEI 2: 355795642900712/01, có gắn 02 sim số seri 8984048000331089129 và 8984048000320603417;

+ Số tiền 37.400.000 đồng.

- Tạm giữ của Hồ Kim C1: 01 (một) xe mô tô ba bánh biển số 71B3 - 823.96, số khung KZ1674000268, số máy 2FMJ7A02741.

* Kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐG ngày 25/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Bến Tre xác định: 18 đoạn dây cáp ngầm chủng loại cáp đồng mạ kẽm FDEH-X 1 x 300mm2/1.8/3kV, tổng chiều dài là 148,98 mét, đã bị cắt bỏ lớp vỏ cao su còn dây đồng mạ kẽm, có giá trị là: 131.560.811 đồng.

Quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và vật chứng thu giữ.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra đã:

- *Trả cho ông* Hồ Kim C1: 01 (một) xe mô tô ba bánh biển số 71B3 - 823.96.

- *Trả cho* Công ty L3 *HDEC-INTL*:

+ 18 (mười tám) đoạn dây cáp ngầm tổng chiều dài 148,98 mét;

+ 147 (một trăm bốn mươi bảy) đoạn cao su màu đen tổng chiều dài 147,28 mét;

+ Số tiền 49.835.500 đồng.

- *Trả cho bà* Mai Thị Đ1*:* số tiền 37.400.000 đồng.

- *Trả cho bị cáo* Nguyễn Đức H*:* 01 (một) điện thoại di động.

- *Trả cho bà* Bùi Thị T2*:* 01 điện thoại di động.

- *Trả cho bị cáo* Trần Văn Đ*:*

+ 42 (bốn mươi hai) đoạn cao su màu đen tổng chiều dài 46,33 mét;

+ 57 (năm mươi bảy) đoạn cao su màu đen tổng chiều dài 59,535 mét;

+ 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát.

Tiếp tục tạm giữ các vật chứng còn lại để đảm bảo xét xử và thi hành án.

Ghi nhận việc các bị cáo M và H tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

[1.1] Tuyên bố bị cáo Hoàng Bá M và bị cáo Nguyễn Đức H phạm "Tội trộm cắp tài sản";

[1.1.1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Bá M 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022.

[1.1.2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; được trừ vào thời gian bị tạm giam (từ ngày 10/3/2022 đến ngày 30/4/2022) là 01 (một) tháng 22 (hai mươi hai) ngày; thời hạn còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[1.2] Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 7/11/2022, bị cáo Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo kêu oan; Ngày 11/10/2022, bị cáo Trần Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ xin Hội đồng xét xử đánh giá lại vật chứng là số lượng, kích thước số cáp mà Công an xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre thu giữ từ đó bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn và trực tiếp nuôi con còn đi học, bị cáo có chú, bác là người có công với cách mạng để giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Xét kháng cáo của bị cáo H, qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng quy định, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ. Đối với kháng cáo của bị cáo Đ, tình tiết do bị cáo đưa ra không có tài liệu chứng minh và cũng không thuộc trường hợp được giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đức H *nói lời nói sau cùng:* Bị cáo thực sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn Đ *nói lời nói sau cùng:* Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ trong hạn luật định, hợp lệ nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hoàng Bá M không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên được chuyển đi chấp hành án tại Trại giam K và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại cấp sơ thẩm bị cáo M đã có lời khai trong hồ sơ vụ án làm rõ tình tiết của vụ án, việc vắng mặt bị cáo M không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo khác, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ ngày 16/10/2021, tại trụ điện gió số WT204 thuộc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, Hoàng Bá M và Nguyễn Đức H đã lén lút lấy trộm của Công ty L3 (Trung Quốc) 18 đoạn dây cáp ngầm chủng loại cáp đồng mạ kẽm, tổng chiều dài là 148,98 mét, tổng trọng lượng là 378,9 kg, có tổng giá trị là 131.560.811 đồng, sau đó đem về nhà của Trần Văn Đ ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre bán lại cho Đ. Đến lúc này thì Trần Văn Đ đã biết rõ đây là tài sản do M và H trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán kiếm lời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cho rằng bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo Hoàng Bá M, tuy nhiên kích thước và khối lượng cáp bị cáo đã trộm cắp không phải là số cáp mà Công an xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre thu giữ mà có số lượng ít hơn, kích thước ngắn hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra bị cáo H đã có lời khai nhận rằng bị cáo thừa nhận đã cùng với bị cáo Hoàng Bá M thực hiện hành vi lén lút lấy trộm của Công ty L3 (Trung Quốc) 18 đoạn dây cáp ngầm trị giá 131.560.811 đồng. Bị cáo được chia số tiền bán dây cáp là 18.000.000 đồng. Bị cáo đã giao nộp số tiền 44.835.500 đồng để bồi thường thiệt hại. Hơn nữa, bị cáo Đ khai nhận tại phiên tòa đã mua cáp từ M và H, lời khai nhận này phù hợp với lời khai của M, H nêu trên. Như vậy lời khai nại này của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Bá M và Nguyễn Đức H về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo Trần Văn Đ về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

[2.2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với từng bị cáo. Cụ thể:

[2.3.1] Bị cáo Nguyễn Đức H là người trực tiếp tham gia cùng bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò giúp sức, bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 44.835.500 đồng để bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có cha ruột là người có công với đất nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và được tặng Kỷ niệm chương "Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày", bị cáo có Giấy chứng nhận chẩn đoán Rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm *(F41.2 - ICD.10)* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Từ đó cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 1 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo H có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử xem xét, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2.3.2] Bị cáo Trần Văn Đ không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có trình độ văn hóa lớp 01/12 nên khả năng nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế, đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ phạm tội có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, phạm tội với lỗi cố ý và xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng loại hình phạt theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Từ đó cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 băm tù là đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, hậu quả xảy ra do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Bị cáo Đ có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử xem xét, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận lời trình bày của các bị cáo, bác toàn bộ kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Bá M, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ.

Tuyên xử:

1/ Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm "Tội trộm cắp tài sản";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; được trừ vào thời gian bị tạm giam (từ ngày 10/3/2022 đến ngày 30/4/2022) là 01 (một) tháng 22 (hai mươi hai) ngày; thời hạn còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2 Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức H, Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre (2);
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo (2);
- Lưu HSVA(2). VP(5) 17b. (LTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Đắc Minh